



Ni trưởng Diêu Thông và đơn vị biệt động F100

ISSN: 2734-9195

14:30 21/10/2025

Trong bối cảnh Sài Gòn thời chiến, những yếu tố này đã giúp Ni trưởng Diêu Thông và đơn vị Biệt động F100 duy trì hoạt động bí mật, bảo toàn lực lượng, đồng thời bảo đảm luồng thông tin, hậu cần được vận hành thông suốt.

Tác giả: **TS. Trần Thị Họa My (1)**

Tham luận tại Hội thảo Khoa học "Đạo Phật Với Cách Mạng Việt Nam" tổ chức ngày 25/08/2025, tại chùa Quán Sứ, Hà Nội

1. Mở đầu

1.1 Lý do chọn đề tài

Trong lịch sử chiến tranh cách mạng Việt Nam, lực lượng Biệt động Sài Gòn - Gia Định là một trong những biểu tượng tiêu biểu của nghệ thuật chiến tranh nhân dân trong môi trường đô thị. Đây là lực lượng đặc biệt, được tổ chức bí mật, phân tán thành nhiều đơn vị nhỏ nhưng phối hợp chặt chẽ, thực hiện các nhiệm vụ then chốt từ trinh sát, phá hoại, ám sát cho đến tình báo và giao liên ngay giữa trung tâm Sài Gòn, nơi tập trung quyền lực của chính quyền Việt Nam Cộng hòa và sự hiện diện quân sự - tình báo của Mỹ (Hùng, 2006; Hồ, 2007).

Trong số các đơn vị thuộc Biệt động Sài Gòn - Gia Định, F100 nổi lên như một lực lượng nòng cốt, có khả năng tác chiến độc lập, hoạt động sâu trong nội đô mà vẫn duy trì được mức độ bí mật và an toàn cao. Sự thành công của F100 đến từ việc kết hợp giữa chiến thuật quân sự linh hoạt và khả năng tận dụng các yếu tố xã hội, văn hóa, và tôn giáo để che giấu hoạt động. Trong mạng lưới ấy, trường hợp của Ni trưởng Diêu Thông (pháp danh Huyền Trang, thế danh Nguyễn Thị Kim Cúc) là một minh chứng đặc biệt.



(Ảnh: Internet)

Là một nữ tu sĩ Phật giáo, Ni trưởng Diệu Thông không chỉ đảm nhiệm vai trò tôn giáo mà còn trực tiếp tham gia vào công tác giao liên và tình báo của F100. Dưới vỏ bọc tôn giáo, bà đã vận chuyển tài liệu, che giấu cán bộ, tổ chức các điểm trú ẩn và thực hiện các nhiệm vụ liên lạc với mức độ bí mật cao. Sự kết hợp này phản ánh tính linh hoạt và sáng tạo của lực lượng cách mạng đô thị trong việc vận dụng mọi nguồn lực xã hội để phục vụ chiến đấu. Nghiên cứu về trường hợp này không chỉ giúp làm rõ cơ chế vận hành của mạng lưới Biệt động mà còn cho thấy cách các thiết chế xã hội - đặc biệt là cơ sở tôn giáo - có thể trở thành một phần của chiến lược chiến tranh phi quy ước (Pike, 1966; RAND Corporation, 2010).

1.2 Ý nghĩa khoa học và thực tiễn

Về mặt khoa học, nghiên cứu này bổ sung một trường hợp điển hình vào kho tàng lý thuyết về “vỏ bọc xã hội” (*social cover*) trong chiến tranh bất đối xứng. Trong nhiều tài liệu quốc tế, việc sử dụng cơ sở tôn giáo như một công cụ chiến thuật thường được đề cập ở phạm vi rộng, nhưng chưa có nhiều công trình phân tích sâu trường hợp Việt Nam, đặc biệt là ở cấp độ cá nhân. Phân tích vai trò của Ni trưởng Diệu Thông cho phép đối chiếu với các khung lý thuyết quốc tế, đồng thời kiểm chứng khả năng ứng dụng của khái niệm “vỏ bọc tôn giáo” (*religious cover*) trong điều kiện chiến tranh đô thị cụ thể của Sài Gòn trước

1975.

Về mặt thực tiễn, nghiên cứu cung cấp tư liệu lịch sử quý giá cho công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản cách mạng gắn với cơ sở tôn giáo. Chùa Bồn Nguyễn, nơi Ni trưởng hoạt động, không chỉ là một địa điểm sinh hoạt tín ngưỡng mà còn là một di tích của mạng lưới cách mạng nội đô. Việc ghi nhận, lưu trữ và phổ biến những câu chuyện như vậy sẽ giúp thế hệ sau hiểu rõ hơn về sự hy sinh, sáng tạo và đóng góp của các lực lượng bí mật trong chiến tranh. Đồng thời, bài học từ mô hình này có thể được vận dụng trong việc phân tích các tình huống an ninh đô thị hiện đại, nơi việc sử dụng các “vỏ bọc hợp pháp” vẫn là một thách thức và chiến lược quan trọng.

1.3 Câu hỏi nghiên cứu

Từ những lý do trên, bài viết tập trung trả lời ba câu hỏi nghiên cứu chính: Thứ nhất, Ni trưởng Diệu Thông đã tham gia những hoạt động cụ thể nào trong F100, và vai trò của bà được thể hiện ra sao qua các nguồn tư liệu báo chí, hồi ký và tài liệu lưu trữ?

Thứ hai, “vỏ bọc tôn giáo” mang lại những lợi thế chiến thuật gì trong điều kiện chiến tranh đô thị Sài Gòn trước 1975, xét cả ở khía cạnh che giấu vật lý, bảo mật thông tin, lẫn tạo lập vùng an toàn xã hội?

Thứ ba, cơ chế khai thác “vỏ bọc” này phù hợp như thế nào với các mô hình lý thuyết về chiến tranh cách mạng và công tác tình báo trong nghiên cứu an ninh phi đối xứng quốc tế?

2. Bối cảnh lịch sử và sự hình thành của F100

2.1 Bối cảnh chung

Sau khi Hiệp định Genève được ký kết vào tháng 7 năm 1954, đất nước Việt Nam tạm thời bị chia cắt thành hai miền với vĩ tuyến 17 làm giới tuyến quân sự. Miền Bắc được đặt dưới sự quản lý của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, trong khi miền Nam thuộc quyền kiểm soát của Chính quyền Quốc gia Việt Nam, sau này là Việt Nam Cộng hòa (Elliott, 2003). Trong giai đoạn đầu sau Hiệp định, các điều khoản quy định việc tập kết và chuyển quân của lực lượng vũ trang được thực hiện, nhưng đồng thời, một bộ phận cán bộ, chiến sĩ và cơ sở quần chúng của phong trào cách mạng vẫn ở lại miền Nam, duy trì hoạt động bí mật để bảo toàn lực lượng.

Từ cuối những năm 1950 sang đầu thập niên 1960, chính quyền Việt Nam Cộng hòa dưới thời Ngô Đình Diệm và sau này là các chính phủ kế nhiệm đã triển khai hàng loạt biện pháp nhằm triệt phá cơ sở cách mạng, bao gồm chiến dịch “tố cộng”, “diệt cộng” và chương trình Ấp chiến lược. Hệ thống an ninh, cảnh sát đặc biệt và các lực lượng tình báo được tăng cường, nhất là tại các đô thị lớn như Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định, nơi vừa là trung tâm chính trị - kinh tế của miền Nam, vừa là đầu mối quân sự quan trọng của Mỹ và đồng minh (Pike, 1966). Điều này khiến hoạt động của lực lượng cách mạng tại đô thị trở nên vô cùng khó khăn: mọi liên lạc, tiếp tế và tổ chức lực lượng đều phải được tiến hành trong điều kiện bí mật tuyệt đối.



Trải qua bao biến cố và thăng trầm lịch sử, quán phở Bình (số 7, Lý Chính Thắng, Quận 3) vẫn trụ ở Thành phố Hồ Chí Minh (theo địa chỉ cũ) như một chứng nhân trầm lặng của lịch sử, là minh chứng cho tinh thần cách mạng gan vàng dạ sắt, và luôn mở cửa đón chào những ai muốn tới tìm hiểu về hoạt động của chiến sĩ Biệt động Sài Gòn năm xưa.

Ảnh: Internet

Tuy nhiên, môi trường đô thị Sài Gòn cũng tạo ra những cơ hội chiến lược đặc biệt. Dân cư đông đúc, thành phần xã hội đa dạng và sự tồn tại của nhiều thiết chế xã hội - kinh tế - tôn giáo hợp pháp cho phép lực lượng cách mạng khai thác những “vùng đệm” an toàn để che giấu hoạt động. Trong bối cảnh Mỹ tăng cường quân sự hóa miền Nam sau sự kiện Vịnh Bắc Bộ (1964) và bắt đầu đổ quân ồ ạt vào Việt Nam, yêu cầu cấp bách đặt ra cho cách mạng miền Nam là phải tổ chức một lực lượng tác chiến bí mật, tinh nhuệ, có khả năng hoạt động ngay trong lòng đối phương để thực hiện các nhiệm vụ đặc biệt như trinh sát mục tiêu, tấn công chiến lược, phá hoại cơ sở hạ tầng và duy trì mạng lưới

thông tin liên lạc với căn cứ bên ngoài (Hùng, 2006; Hồ, 2007).

Chính trong bối cảnh này, từ giữa thập niên 1960, nhiều đơn vị biệt động được thành lập tại các đô thị lớn, trong đó Sài Gòn là trọng điểm. Những đơn vị này kết hợp linh hoạt giữa hoạt động quân sự và tình báo, giữa tác chiến vũ trang và xây dựng cơ sở quần chúng, giữa phá hoại hạ tầng của đối phương và bảo vệ mạng lưới cách mạng. Sự hình thành của F100 - một đơn vị biệt động chiến lược trực thuộc Ban chỉ huy Biệt động Sài Gòn - Gia Định là câu trả lời trực tiếp cho yêu cầu tác chiến trong lòng đô thị, nơi mỗi bước di chuyển, mỗi hoạt động liên lạc đều phải diễn ra dưới lớp vỏ bọc hợp pháp, an toàn nhưng vẫn đảm bảo tính cơ động và hiệu quả chiến đấu.

2.2 Sự thành lập F100

Theo hồi ký *Biệt động Sài Gòn* của Nguyễn Đức Hùng, người được biết đến với bí danh Tư Chu, Chỉ huy trưởng lực lượng Biệt động Sài Gòn - Gia Định, đơn vị F100 chính thức được thành lập vào năm 1965, trong bối cảnh yêu cầu tác chiến nội đô trở nên cấp bách (Hùng, 2006). Đây là một đơn vị đặc biệt, có tính chất chiến lược, trực tiếp đặt dưới sự chỉ huy của Ban Biệt động, với nhiệm vụ chủ yếu là tiến hành các hoạt động vũ trang, phá hoại, trinh sát và tình báo ngay tại trung tâm Sài Gòn - Gia Định. Khác với các đơn vị quân chủ lực hoặc đặc công hoạt động ở ngoại vi, F100 được thiết kế để sống và hoạt động “trong lòng địch”, sử dụng các biện pháp ngụy trang, vỏ bọc xã hội và mạng lưới cơ sở quần chúng để tồn tại và tác chiến.

Cơ cấu tổ chức của F100 mang tính tinh gọn và phân tán cao. Đơn vị được chia thành nhiều tổ, đội nhỏ, mỗi tổ thường chỉ từ 3 đến 7 người, đảm nhận một nhiệm vụ cụ thể như trinh sát mục tiêu chiến lược, vận chuyển và cất giấu vũ khí, bảo vệ cán bộ lãnh đạo, tiến hành ám sát các nhân vật quan trọng của đối phương, hoặc tổ chức đánh phá các cơ sở hạ tầng then chốt như kho đạn, trạm điện, cầu đường. Các tổ, đội này hoạt động tương đối độc lập, được chỉ huy theo nguyên tắc “biết việc mình làm nhưng không biết toàn bộ kế hoạch”, nhằm hạn chế tối đa nguy cơ lộ thông tin nếu một thành viên bị bắt (Hồ, 2007).

Mạng lưới giao liên của F100 được xem là huyết mạch của toàn đơn vị. Các tuyến liên lạc được thiết lập từ nội đô ra các vùng ven và kết nối tới căn cứ hậu phương, bảo đảm luân chuyển thông tin, chỉ thị và vật tư một cách an toàn. Để làm được điều này, F100 đã khai thác tối đa các loại vỏ bọc hợp pháp, từ gia đình buôn bán nhỏ, quán cà phê, tiệm may, cho đến các cơ sở tôn giáo như chùa, nhà thờ. Nguyên tắc hoạt động của đơn vị là “độc lập tác chiến, tuyệt đối bí mật, linh hoạt trong vỏ bọc hợp pháp” - nghĩa là mỗi nhóm có thể tự chủ

trong việc chuẩn bị, ra tay và rút lui mà không cần phụ thuộc vào lực lượng lớn, đồng thời luôn duy trì khả năng che giấu để tránh bị phát hiện trong môi trường kiểm soát gắt gao của đối phương (Hùng, 2006).

Chính sự kết hợp giữa tổ chức nhỏ gọn, phân công nhiệm vụ rõ ràng, và khả năng linh hoạt sử dụng vỏ bọc xã hội đã giúp F100 trở thành một trong những đơn vị biệt động hiệu quả nhất tại Sài Gòn trước 1975. Đây cũng là môi trường mà Ni trưởng Diệu Thông tham gia và phát huy vai trò đặc biệt của mình, khi vỏ bọc tôn giáo không chỉ bảo vệ bản thân bà mà còn che chắn cho nhiều mắt xích quan trọng của mạng lưới giao liên, tình báo trong nội đô.

2.3 Mạng lưới cơ sở nội đô và vỏ bọc xã hội

Trong chiến tranh đô thị, đặc biệt là tại Sài Gòn - Gia Định trước 1975, việc duy trì một mạng lưới cơ sở nội đô an toàn là điều kiện sống còn đối với lực lượng Biệt động. F100 đã xây dựng hệ thống này bằng cách tận dụng đa dạng các hình thức “vỏ bọc xã hội” để che giấu hoạt động và bảo vệ nhân sự. Theo nhiều nhân chứng và tài liệu hồi ký, những vỏ bọc này bao gồm các hộ gia đình buôn bán nhỏ, cửa hàng tạp hóa, quán cà phê, tiệm may, tiệm chụp ảnh, và đặc biệt là các cơ sở tôn giáo như chùa, nhà thờ, hội quán. Đây là những không gian hợp pháp, có sinh hoạt cộng đồng thường xuyên, và quan trọng hơn, mang tính “miễn nhiễm tương đối” với sự kiểm tra đột xuất của lực lượng an ninh đối phương nếu không có nghi vấn cụ thể (Pike, 1966; Hùng, 2006).



Ni trưởng Diệu Thông (ảnh: Internet)

Cách thức vận hành mạng lưới này dựa trên nguyên tắc “ẩn mình trong sinh hoạt bình thường của xã hội”. Một cửa hàng tạp hóa có thể vừa bán hàng cho khách quen, vừa cất giấu tài liệu hoặc vũ khí nhỏ; một quán cà phê có thể là điểm hẹn trao đổi tin tức; một tiệm may có thể nhận và chuyển đồ kèm thông điệp mật. Trong số các loại vỏ bọc, cơ sở tôn giáo nổi bật bởi ba ưu thế: thứ nhất, uy tín và sự tôn kính của cộng đồng tín đồ tạo ra lá chắn xã hội; thứ hai, các nghi lễ tôn giáo hợp thức hóa việc tụ tập đông người, giúp việc di chuyển và gặp gỡ không gây chú ý; thứ ba, mạng lưới liên kết giữa các cơ sở tôn giáo ở nhiều địa phương tạo điều kiện mở rộng tuyến giao liên ra ngoài phạm vi đô thị.

Chính trong bối cảnh đó, sự tham gia của Ni trưởng Diệu Thông - một nữ tu sĩ Phật giáo - trở thành một sáng kiến chiến thuật quan trọng của F100. Chùa Bốn Nguyện, nơi bà trụ trì và hành đạo tại quận 11, không chỉ là điểm sinh hoạt tôn giáo hợp pháp mà còn là một “trạm giao liên” bí mật. Tại đây, bà tổ chức các cuộc họp nhỏ của cán bộ biệt động, tiếp nhận và phân phát tài liệu, che giấu chiến sĩ đang bị truy lùng, và thậm chí lưu trữ một số vật tư quân sự cỡ nhỏ. Hoạt động từ thiện và bếp chùa cũng được tận dụng để vận chuyển lương thực, thuốc men, hợp thức hóa việc ra vào của nhiều đối tượng khác nhau, bao gồm cả giao liên và người chuyển tin.

Sự tồn tại của chùa Bốn Nguyện trong mạng lưới cơ sở nội đô là minh chứng điển hình cho khả năng lồng ghép giữa “hạ tầng nổi” và “hạ tầng chìm” mà CIA và RAND (2010) từng mô tả trong mô hình Viet Cong Infrastructure (VCI). Ở cấp độ bề mặt, chùa vẫn thực hiện đầy đủ chức năng tôn giáo và cộng đồng, nhưng ẩn sâu bên trong là một hệ thống hoạt động bí mật có tổ chức, được bảo vệ bởi uy tín cá nhân của Ni trưởng và sự tôn kính dành cho không gian linh thiêng. Đây là lý do khiến chùa Bốn Nguyện trở thành một điểm nút khó thay thế trong mạng lưới F100, và cũng là nền tảng để phân tích sâu hơn vai trò chiến lược của vỏ bọc tôn giáo trong các phần tiếp theo.

Có thể khẳng định bối cảnh lịch sử - xã hội của Sài Gòn - Gia Định từ sau Hiệp định Genève 1954 đến giữa thập niên 1960 đã tạo ra một môi trường tác chiến đặc thù, vừa khắt nghiệt, vừa chứa đựng những cơ hội chiến lược cho lực lượng cách mạng. Trong môi trường đô thị bị kiểm soát chặt chẽ, nơi mọi hoạt động liên lạc, tiếp tế và tổ chức lực lượng đều đứng trước nguy cơ bị phát hiện, yêu cầu cấp bách là phải xây dựng các đơn vị tác chiến tinh gọn, có khả năng hoạt động độc lập, linh hoạt và tuyệt đối bí mật.

Sự ra đời của F100 năm 1965 là câu trả lời trực tiếp cho yêu cầu này. Với cơ cấu tổ chức phân tán, nhiệm vụ đa dạng từ tác chiến vũ trang, phá hoại, trinh sát đến tình báo, F100 đã hình thành một mạng lưới cơ sở nội đô được bảo vệ bởi

nhiều lớp vỏ bọc xã hội. Trong số đó, các cơ sở tôn giáo, đặc biệt là chùa Bốn Nguyên dưới sự trụ trì của Ni trưởng Diệu Thông trở thành một trong những điểm nút chiến lược. Cơ sở này vừa thực hiện chức năng tôn giáo hợp pháp, vừa lồng ghép các hoạt động bí mật như giao liên, lưu trữ tài liệu, tiếp tế và che giấu cán bộ.

Bài viết này cho thấy rằng, để hiểu đầy đủ vai trò của Ni trưởng Diệu Thông, cần đặt bà trong tổng thể cấu trúc tổ chức và chiến thuật của F100. Chính sự kết hợp giữa yêu cầu khách quan của chiến tranh đô thị và khả năng sáng tạo trong tận dụng vỏ bọc tôn giáo đã tạo điều kiện cho bà trở thành một mắt xích quan trọng trong mạng lưới hoạt động bí mật của đơn vị. Đây cũng là cơ sở để đi sâu vào phân tích tiểu sử, hoạt động cụ thể và những đóng góp chiến lược của bà trong các phần tiếp theo.

3. Hoạt động của Ni trưởng Diệu Thông trong F100

Trong lịch sử của lực lượng Biệt động Sài Gòn - Gia Định, nhiều cá nhân đã để lại dấu ấn sâu đậm nhờ sự dũng cảm, trí tuệ và khả năng thích ứng xuất sắc trong môi trường đô thị đầy nguy hiểm. Ni trưởng Diệu Thông là một trường hợp đặc biệt, khi hội tụ cả hai yếu tố tưởng chừng như đối lập: một mặt là hình ảnh một nữ tu sĩ Phật giáo hiền hòa, chuyên tâm hành đạo; mặt khác là vai trò một chiến sĩ biệt động hoạt động ngay tại trung tâm Sài Gòn trong những năm tháng chiến tranh khốc liệt.



Ni trưởng Diệu Thông (ảnh: Internet)

Việc nghiên cứu tiểu sử và hoạt động của Ni trưởng Diệu Thông không chỉ giúp tái hiện chân dung một nhân vật lịch sử độc đáo mà còn mở ra góc nhìn sâu sắc về cách mà lực lượng cách mạng đã tận dụng những yếu tố tưởng như phi quân sự, cụ thể là tôn giáo và hình ảnh tu sĩ, để triển khai hoạt động tình báo và giao liên trong điều kiện kiểm soát nghiêm ngặt của đối phương. Những hoạt động của bà trong F100 minh chứng rõ nét cho sự kết hợp giữa lòng yêu nước, trí thông minh chiến thuật và khả năng vận dụng “vỏ bọc xã hội” một cách sáng tạo.

Bằng cách lần theo hành trình từ xuất thân, con đường đến với cách mạng, cho đến các nhiệm vụ cụ thể bà đảm nhiệm và tác động của những hoạt động ấy đối với mạng lưới biệt động, phần này sẽ làm rõ vì sao Ni trưởng Diệu Thông trở thành một nhân vật tiêu biểu cho mô hình chiến tranh nhân dân trong môi trường đô thị. Đây cũng là tiền đề để phân tích sâu hơn những lợi thế chiến thuật mà “vỏ bọc tôn giáo” mang lại trong thực tiễn chiến tranh Việt Nam.

3.1 Xuất thân và con đường đến với cách mạng

Ni trưởng Diệu Thông, thế danh Nguyễn Thị Kim Cúc, pháp danh Huyền Trang, sinh tại tỉnh An Giang trong một gia đình gắn bó với truyền thống yêu nước và tinh thần gắn kết cộng đồng. Vùng đất An Giang, với đặc điểm là nơi giao thoa giữa Phật giáo Nam tông Khmer, Phật giáo Bắc tông và các tín ngưỡng dân gian, từ lâu đã là mảnh đất màu mỡ cho tinh thần đoàn kết dân tộc và ý thức bảo vệ quê hương. Trong môi trường văn hóa - tôn giáo giàu bản sắc đó, bà sớm tiếp thu những giá trị đạo đức và lòng vị tha của đạo Phật, đồng thời thấm nhuần tinh thần tự cường, chống ngoại xâm vốn ăn sâu trong đời sống cộng đồng địa phương.

Từ tuổi thiếu niên, bà đã xuất gia, bước vào con đường tu học Phật pháp tại các ngôi chùa ở miền Tây Nam Bộ. Những năm tháng tu học không chỉ giúp bà thấm nhuần giáo lý nhà Phật mà còn rèn luyện đức tính kiên nhẫn, kỷ luật và tinh thần phục vụ. Khi chiến tranh leo thang vào đầu thập niên 1960, nhất là sau khi Mỹ đổ quân trực tiếp vào miền Nam, bối cảnh xã hội biến động dữ dội. Các đô thị lớn, trong đó có Sài Gòn, trở thành trung tâm chỉ huy quân sự, đồng thời cũng là điểm nóng của phong trào đấu tranh chính trị và các hoạt động bí mật của lực lượng cách mạng (Elliott, 2003).

Trong bối cảnh này, những cơ sở tôn giáo ở miền Nam, dù mang tính chất tín ngưỡng, cũng không nằm ngoài tầm ảnh hưởng của các luồng chính trị. Ni trưởng Diệu Thông, qua các hoạt động từ thiện và tiếp xúc với cộng đồng Phật tử, dần kết nối với các cán bộ cách mạng. Sự tin tưởng từ cộng đồng, cùng với

uy tín cá nhân và vị trí của bà trong giới tu sĩ, tạo điều kiện thuận lợi để bà được vận động tham gia vào mạng lưới giao liên. Ban đầu, bà nhận những nhiệm vụ nhỏ như chuyển thư tay, chuyển vật dụng y tế hoặc cung cấp chỗ nghỉ tạm cho cán bộ di chuyển.

Năm 1965, sau một thời gian được thử thách và rèn luyện, bà chính thức được kết nạp vào lực lượng Biệt động Sài Gòn - Gia Định, đơn vị F100, do đồng chí Nguyễn Đức Hùng (Tư Chu) chỉ huy. Từ đây, bà không chỉ là một ni trưởng với nhiệm vụ tôn giáo, mà trở thành một chiến sĩ biệt động đặc biệt, hoạt động dưới lớp vỏ bọc hợp pháp của mình. Vị trí hoạt động chính của bà là chùa Bồn Nguyễn tại quận 11, một ngôi chùa nhỏ nhưng có vị trí chiến lược trong mạng lưới cơ sở nội đô của F100. Chùa không chỉ là nơi hành lễ và tiếp đón tín đồ, mà còn là “điểm nút” trong hệ thống giao liên, nơi các chỉ thị, tài liệu và vật tư được cất giấu, phân phát và trung chuyển một cách bí mật, an toàn.

3.2 Nhiệm vụ và vai trò trong mạng lưới F100

Trong cơ cấu tổ chức của F100, Ni trưởng Diệu Thông giữ một vị trí đặc biệt nhạy cảm, đòi hỏi sự tin cậy tuyệt đối từ phía chỉ huy và đồng đội. Nhiệm vụ của bà trải dài từ giao liên, bảo vệ cán bộ, đến tiếp tế hậu cần và bảo mật thông tin - tất cả đều diễn ra dưới lớp vỏ bọc hoàn hảo của một nữ tu sĩ Phật giáo.



Ni trưởng Diệu Thông (ảnh: Internet)

Trước hết, ở vai trò giao liên và vận chuyển tài liệu, Ni trưởng Diệu Thông phụ trách các tuyến liên lạc trọng yếu kết nối nội đô Sài Gòn với các căn cứ ngoại thành và một số điểm an toàn ở các tỉnh lân cận. Việc di chuyển của bà, thường trong y phục ni sư, với dáng vẻ điềm tĩnh, ít khi bị lực lượng an ninh Việt Nam Cộng hòa hoặc cảnh sát Mỹ kiểm tra gắt gao. Điều này cho phép bà vận chuyển không chỉ thư từ, báo cáo tình báo mà đôi khi còn mang theo vật dụng, bản đồ, hoặc các mệnh lệnh mật đến đúng người, đúng thời gian.

Thứ hai, với nhiệm vụ che giấu và bảo vệ cán bộ, chùa Bốn Nguyện, nơi bà trụ trì được biến thành một “điểm trú” chiến lược của F100. Những cán bộ bị truy lùng có thể tạm lánh tại đây, hòa mình vào sinh hoạt tôn giáo để tránh sự chú ý. Không gian chùa, với những gian phòng khép kín và khu vực hậu điện ít người lui tới, trở thành nơi trú ẩn an toàn. Một số cuộc họp bí mật, đặc biệt là trong giai đoạn chuẩn bị cho các chiến dịch tấn công lớn, cũng được tổ chức tại chùa này.

Ở phương diện tiếp tế và hậu cần, lợi thế từ hoạt động từ thiện của chùa được khai thác triệt để. Bếp chùa thường xuyên nấu ăn phục vụ lễ bái, cúng dường và hỗ trợ người nghèo, tạo điều kiện hợp pháp để vận chuyển số lượng lớn lương thực, thuốc men, quần áo. Trong nhiều trường hợp, đây còn là cách hợp thức hóa việc vận chuyển các vật tư quân sự quy mô nhỏ, như linh kiện vũ khí hoặc đạn dược, được khéo léo giấu trong các bao tải gạo, thùng hàng hoặc giỏ cúng.

Cuối cùng, vai trò giữ bí mật và bảo vệ thông tin được thực hiện thông qua việc tận dụng đặc thù không gian và nghi lễ tôn giáo. Các thông điệp quan trọng có thể được gửi gắm dưới dạng vật phẩm cúng dường, đặt trong sách kinh hoặc các bức tượng Phật nhỏ. Bầu không khí tôn nghiêm của chùa khiến lực lượng kiểm tra, nếu có, cũng khó tiến hành lục soát kỹ lưỡng mà không gây phản ứng tiêu cực từ cộng đồng Phật tử. Điều này tạo ra một tầng bảo vệ tự nhiên cho mọi trao đổi thông tin nhạy cảm.

Như vậy, Ni trưởng Diệu Thông không chỉ là một mắt xích giao liên trong mạng lưới F100, mà còn là “người gác cửa” của một căn cứ an toàn giữa lòng Sài Gòn. Sự kết hợp hài hòa giữa vai trò tôn giáo và nhiệm vụ cách mạng của bà là minh chứng sống động cho khả năng vận dụng sáng tạo vỏ bọc xã hội trong chiến tranh đô thị.

3.3 Thời kỳ sau 1975 và ghi nhận

Sau ngày đất nước thống nhất năm 1975, Ni trưởng Diệu Thông bước vào một giai đoạn hoạt động mới, trong đó trọng tâm chuyển từ công tác bí mật sang

các hoạt động xã hội, giáo hội và gìn giữ giá trị truyền thống. Bà trở lại quê hương An Giang và tiếp tục con đường tu hành, đồng thời tham gia vào các hoạt động từ thiện, cứu trợ, góp phần hàn gắn vết thương chiến tranh cho cộng đồng địa phương. Nhờ uy tín cá nhân và những đóng góp trong thời kỳ kháng chiến, bà được tín nhiệm giao trọng trách trụ trì chùa Thất Bửu, một ngôi chùa có vai trò quan trọng trong đời sống tinh thần của Phật tử địa phương.

Với nền tảng từng là chiến sĩ biệt động, Ni trưởng không chỉ tham gia các hoạt động Phật sự mà còn tích cực hỗ trợ công tác giáo dục truyền thống cách mạng. Bà thường xuyên nhận lời mời từ các trường học, tổ chức đoàn thể và bảo tàng để kể lại câu chuyện hoạt động trong F100, giúp thế hệ trẻ hiểu rõ hơn về giá trị của lòng dũng cảm, sự hy sinh và tinh thần sáng tạo trong kháng chiến.

Về phương diện quân đội, Ni trưởng Diệu Thông chính thức xuất ngũ năm 1983 với quân hàm Thượng sĩ, một sự ghi nhận trang trọng cho quá trình cống hiến thầm lặng nhưng hiệu quả của bà trong suốt giai đoạn chiến tranh. Bà nhiều lần được tôn vinh là “nhân chứng lịch sử” tại các sự kiện kỷ niệm Ngày Giải phóng miền Nam, Ngày Thương binh - Liệt sĩ và các dịp tưởng niệm lực lượng biệt động Sài Gòn - Gia Định.





Phó Giám đốc Sở Nội vụ An Giang Nguyễn Phú, Trưởng ban Tôn giáo tỉnh; Thượng tọa Thích Giác Tín, Trưởng ban Hoàng pháp - Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh An Giang, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam TP. Long Xuyên, trụ trì Tịnh xá Ngọc Giang, cùng cán bộ, đoàn viên thanh niên đến thăm, tặng quà ni trưởng Thích nữ Diệu Thông nhân kỷ niệm 78 năm Ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam (22/12/1944 - 22/12/2022).
Ảnh: baoangiang.com.vn

Những ghi nhận này không chỉ mang tính cá nhân mà còn góp phần khẳng định vai trò của các nữ tu sĩ và cơ sở tôn giáo trong lịch sử chiến tranh Việt Nam. Trường hợp của Ni trưởng Diệu Thông trở thành một phần của ký ức tập thể, được lưu giữ qua các bài báo, phóng sự truyền hình, triển lãm tại Bảo tàng Phụ nữ Nam Bộ và các công trình nghiên cứu về chiến tranh đô thị. Sự hiện diện của bà trong cả lĩnh vực tôn giáo và lịch sử cách mạng tạo nên một hình ảnh biểu tượng: một nữ tu vừa phụng sự đạo pháp, vừa cống hiến trọn đời cho sự nghiệp giải phóng dân tộc.

4. Phân tích lợi thế chiến thuật của võ bọc tôn giáo

Trong chiến tranh đô thị, nơi ranh giới giữa đời sống dân sự và hoạt động quân sự thường bị xóa nhòa, việc bảo toàn lực lượng và duy trì hoạt động bí mật phụ thuộc nhiều vào khả năng ngụy trang và thích ứng với môi trường xã hội. “Võ bọc tôn giáo” - tức việc sử dụng hình ảnh cá nhân tu sĩ hoặc cơ sở tôn giáo làm bình phong cho các hoạt động cách mạng là một trong những phương thức ngụy trang tinh vi và hiệu quả nhất từng được áp dụng tại Sài Gòn - Gia Định

trước năm 1975.

Trường hợp của Ni trưởng Diệu Thông là minh chứng điển hình cho giá trị chiến lược của mô hình này. Với hình ảnh một nữ tu Phật giáo hiền hòa, gắn bó với các hoạt động tín ngưỡng và từ thiện, bà đã vận hành một loạt nhiệm vụ then chốt cho đơn vị Biệt động F100 mà không làm dấy lên nghi ngờ từ phía đối phương. Không gian chùa Bốn Nguyện, dưới sự quản lý của bà, vừa là địa điểm hành đạo hợp pháp, vừa là trạm trung chuyển tài liệu, vật tư và cán bộ, trở thành mắt xích quan trọng trong mạng lưới chiến tranh nhân dân ở nội đô.

Việc phân tích các lợi thế chiến thuật của võ bọc tôn giáo trong trường hợp Ni trưởng Diệu Thông không chỉ giúp lý giải vì sao bà có thể hoạt động thành công trong điều kiện an ninh nghiêm ngặt, mà còn góp phần làm rõ cơ chế chung của chiến tranh phi quy ước ở môi trường đô thị. Những ưu thế này, từ tính hợp pháp, khả năng che giấu, đến việc duy trì mạng lưới liên tỉnh an toàn, sẽ được trình bày cụ thể trong các tiểu mục tiếp theo.

4.1 Tính hợp pháp và độ tín nhiệm xã hội cao

Trong bối cảnh chiến tranh đô thị ở Sài Gòn - Gia Định trước năm 1975, môi trường an ninh được kiểm soát chặt chẽ bởi lực lượng cảnh sát đô thành, tình báo và các đơn vị quân sự của chính quyền Sài Gòn cũng như cố vấn Mỹ. Việc di chuyển qua các tuyến đường, ra vào các khu vực trọng yếu hay tiếp cận các cơ sở chiến lược đều bị giám sát, kiểm tra gắt gao. Trong hoàn cảnh đó, các cá nhân hoặc tổ chức cần một võ bọc vừa hợp pháp, vừa đủ uy tín để hạn chế tối đa sự nghi ngờ từ phía đối phương.

Cơ sở tôn giáo, đặc biệt là các chùa, vốn được xem là không gian linh thiêng và có vị trí đặc biệt trong đời sống xã hội, đáp ứng đầy đủ các tiêu chí này. Theo tập quán văn hóa và tín ngưỡng, chính quyền Sài Gòn và lực lượng Mỹ thường tránh xâm nhập, lục soát hoặc can thiệp vào các hoạt động tôn giáo nếu không có bằng chứng cụ thể, do lo ngại phản ứng tiêu cực từ cộng đồng tín đồ và dư luận quốc tế. Điều này đã tạo ra một “lá chắn pháp lý” tự nhiên cho những người hoạt động cách mạng biết cách tận dụng.



(Ảnh: Internet)

Trong trường hợp của Ni trưởng Diệu Thông, võ bộc tu sĩ Phật giáo mang lại cho bà một hình ảnh xã hội được tôn kính, gắn liền với đạo đức, lòng từ bi và sự vô hại về mặt chính trị. Điều này cho phép bà di chuyển qua các chốt kiểm soát, đến những khu vực nhạy cảm mà ít bị soi xét hoặc đặt nghi vấn. Hơn nữa, việc giao tiếp giữa tu sĩ và tín đồ, cũng như giữa các cơ sở tôn giáo với nhau, vốn là điều bình thường và hợp pháp, tạo điều kiện cho các hoạt động liên lạc, trao đổi vật phẩm hoặc tổ chức gặp gỡ diễn ra một cách tự nhiên, không gây chú ý.

Tính hợp pháp này không chỉ giới hạn ở khía cạnh pháp lý mà còn mở rộng sang lĩnh vực tâm lý - xã hội. Trong xã hội Việt Nam giai đoạn đó, đặc biệt trong cộng đồng Phật tử, ni sư thường được xem là biểu tượng của sự thanh khiết và thoát ly đời sống thế tục, khiến cho hình ảnh của họ mặc nhiên nhận được sự tin cậy và bảo vệ từ quần chúng. Chính sự tín nhiệm xã hội cao này đã trở thành một lớp phòng vệ bổ sung, giúp Ni trưởng Diệu Thông thực hiện nhiệm vụ tình báo - giao liên trong môi trường có rủi ro an ninh cao mà vẫn duy trì được khả năng hoạt động lâu dài và ổn định.

4.2 Khả năng che giấu hoạt động thông tin

Một trong những lợi thế nổi bật của võ bộc tôn giáo trong hoạt động tình báo và giao liên đô thị chính là khả năng tạo ra một “nền nhiễu” xã hội hợp pháp, che khuất các hoạt động trao đổi thông tin bí mật. Trong môi trường chùa chiền, các nghi lễ Phật giáo, khóa tụng kinh, lễ cầu an, cũng như các hoạt động từ thiện vốn thu hút sự tham gia của đông đảo Phật tử và người dân, đã hình thành một dòng người ra vào thường xuyên, tạo nên bức tranh sinh hoạt cộng đồng quen thuộc, không gợi nghi vấn.

Ni trưởng Diệu Thông đã khéo léo tận dụng đặc điểm này để cài cắm các hoạt động truyền đạt và tiếp nhận thông tin. Nhiều tài liệu, thư từ, hoặc mệnh lệnh chiến thuật của F100 được giấu trong các vật phẩm tôn giáo như kinh sách, tượng Phật nhỏ, hoặc những bọc quà cúng dường. Nhờ vào tính chất thiêng liêng và sự tôn kính của cộng đồng đối với các vật dụng này, việc kiểm tra, khám xét từ phía lực lượng an ninh đối phương bị hạn chế đáng kể.

Không chỉ vậy, các cuộc gặp gỡ trao đổi thông tin còn được ngụy trang dưới hình thức “thăm viếng” hay “cúng dường” của Phật tử hoặc thiện nam tín nữ. Trong bầu không khí trang nghiêm của chốn thiền môn, những cuộc trò chuyện ngắn, trao đổi ánh mắt, hoặc chuyển tay một vật phẩm nhỏ gần như không gây chú ý, ngay cả khi có sự hiện diện của người lạ. Chính sự hòa quyện giữa hoạt động tôn giáo công khai và trao đổi thông tin bí mật đã giúp Ni trưởng Diệu Thông duy trì luồng liên lạc của F100 một cách an toàn và liên tục, ngay trong lòng Sài Gòn vốn luôn đặt dưới hệ thống kiểm soát gắt gao của đối phương.

4.3 Hậu cần hợp thức và khó truy vết

Trong chiến tranh đô thị, duy trì nguồn hậu cần ổn định là yếu tố sống còn đối với mọi mạng lưới hoạt động bí mật. Võ bọc tôn giáo, đặc biệt là môi trường chùa chiền, đã mang lại cho Ni trưởng Diệu Thông và đơn vị F100 một lợi thế chiến thuật đáng kể trong việc tổ chức và che giấu các hoạt động hậu cần. Bếp chùa, vốn phục vụ nhu cầu ăn uống hàng ngày của ni chúng và Phật tử, đồng thời đảm nhận các hoạt động nấu ăn quy mô lớn cho lễ hội, cúng dường hay cứu trợ, đã tạo ra một “vỏ bọc” hợp pháp cho việc tích trữ và vận chuyển lương thực.

Lợi dụng nhịp điệu sinh hoạt này, Ni trưởng Diệu Thông đã khéo léo lồng ghép việc cung cấp thực phẩm, thuốc men và quần áo cho các chiến sĩ F100 vào các hoạt động từ thiện và nghi lễ tôn giáo. Những chuyến xe chở gạo, rau củ, nồi niêu, hoặc các gói cứu trợ dành cho người nghèo có thể đồng thời mang theo các vật tư quân sự cỡ nhỏ hoặc thiết bị liên lạc. Do việc vận chuyển đồ dùng từ chùa tới các điểm phân phát từ thiện diễn ra thường xuyên và công khai, khả năng bị kiểm tra hay truy vết của đối phương giảm đi đáng kể.

Hơn nữa, uy tín xã hội và sự kính trọng dành cho các cơ sở tôn giáo khiến lực lượng an ninh chế độ Sài Gòn thường do dự khi tiến hành khám xét sâu hoặc đặt nghi vấn về nguồn gốc của hàng hóa. Điều này cho phép Ni trưởng và các cộng sự bảo đảm chuỗi cung ứng của F100 hoạt động liên tục, đồng thời bảo toàn lực lượng, tránh những thiệt hại từ các cuộc đột kích bất ngờ. Hậu cần dưới vỏ bọc tôn giáo vì thế vừa hợp thức về hình thức, vừa bền vững về chiến lược,

trở thành một trụ cột quan trọng trong thành công chung của mạng lưới biệt động nội đô.

4.4 Mạng lưới liên tỉnh an toàn và sự tương thích với mô hình VCI

Một trong những lợi thế chiến thuật quan trọng mà Ni trưởng Diệu Thông và đơn vị F100 khai thác từ vỏ bọc tôn giáo chính là việc tận dụng mạng lưới chùa chiền rộng khắp của Phật giáo Việt Nam. Hệ thống này không chỉ hiện diện ở các đô thị lớn như Sài Gòn mà còn lan tỏa đến hầu hết các vùng nông thôn, miền núi, và thậm chí cả khu vực biên giới. Sự liên kết giữa các chùa thông qua quan hệ tôn giáo, pháp phái, lễ hội và hoạt động từ thiện đã hình thành một “hành lang an toàn” mà lực lượng biệt động có thể dựa vào để duy trì liên lạc, tổ chức các tuyến giao liên, và luân chuyển lực lượng hoặc vật tư một cách kín đáo.

Các cơ sở tôn giáo trong mạng lưới này thường có mức độ tín nhiệm cao trong cộng đồng, được bảo vệ bởi uy tín tôn giáo và truyền thống bất can thiệp của chính quyền vào các nghi lễ. Điều này tạo điều kiện cho việc thiết lập những “trạm trung gian” ở nhiều tỉnh thành, nơi thông tin, người và hàng hóa có thể tạm lưu giữ trước khi tiếp tục hành trình. Trong trường hợp cần thiết, một ngôi chùa ở tỉnh lân cận có thể đóng vai trò như một điểm ẩn náu tạm thời cho cán bộ bị lộ hoặc bị truy đuổi.

Đặc điểm này tương thích một cách rõ rệt với mô hình hạ tầng cách mạng (VCI - Viet Cong Infrastructure) được mô tả trong các báo cáo của CIA và các nghiên cứu của RAND. VCI vận hành như một “chính quyền song song” trong lòng đô thị và nông thôn, dựa vào các điểm tựa xã hội để duy trì hoạt động bí mật. Trong cấu trúc ấy, cơ sở tôn giáo đóng vai trò tương tự như các hội quán, gia đình cơ sở, hoặc cơ sở kinh doanh hợp pháp – vừa đảm bảo tính hợp pháp, vừa cung cấp nguồn lực và sự che chở cho phong trào. Sự hội tụ giữa mạng lưới Phật giáo và nguyên tắc vận hành của VCI không chỉ minh chứng cho tầm quan trọng của yếu tố tôn giáo trong chiến tranh bất đối xứng, mà còn lý giải vì sao trường hợp của Ni trưởng Diệu Thông đạt hiệu quả chiến thuật cao và có thể duy trì hoạt động trong thời gian dài giữa môi trường an ninh khắc nghiệt của Sài Gòn trước 1975.

5. Đánh giá tác động và ý nghĩa

Vai trò của Ni trưởng Diệu Thông là một minh chứng sinh động cho sự sáng tạo và linh hoạt trong công tác tình báo - giao liên đô thị của lực lượng cách mạng

miền Nam. Bằng việc tận dụng vỏ bọc tôn giáo, bà không chỉ hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao mà còn góp phần quan trọng vào việc bảo toàn lực lượng, duy trì hoạt động bí mật và đảm bảo thông suốt các kênh liên lạc trong môi trường an ninh dày đặc và đầy rủi ro của Sài Gòn trước 1975.

Về mặt chiến lược, sự hiện diện của một cơ sở tôn giáo như chùa Bốn Nguyên trong mạng lưới F100 đã tạo ra một điểm nút hậu cần - thông tin quan trọng, kết nối các tuyến giao liên từ nội đô ra ngoại thành và ngược lại. Đây không chỉ là nơi trú ẩn an toàn cho cán bộ bị truy lùng, mà còn là địa điểm tập kết, phân phối vật tư, cũng như tổ chức các cuộc họp bí mật mà đối phương khó phát hiện. Sự hợp thức hóa của hoạt động tôn giáo đã giúp giảm thiểu nguy cơ bị khám xét hoặc phá vỡ mạng lưới.

Về mặt xã hội, hình ảnh một nữ tu sĩ Phật giáo tham gia cách mạng đã tạo nên sức lan tỏa mạnh mẽ trong cộng đồng Phật tử và quần chúng nhân dân. Điều này củng cố mối liên kết giữa phong trào giải phóng dân tộc và các tầng lớp tín đồ tôn giáo, góp phần mở rộng cơ sở xã hội của cách mạng. Sự kết hợp giữa uy tín cá nhân của Ni trưởng và niềm tin tôn giáo của quần chúng đã tạo ra một “lá chắn xã hội” vững chắc, giúp phong trào tồn tại và phát triển ngay trong lòng địch.

Về mặt di sản, trường hợp Ni trưởng Diệu Thông để lại một mô hình giá trị về việc khai thác các thiết chế xã hội - tôn giáo trong chiến tranh bất đối xứng. Đây là một nguồn tư liệu quý, không chỉ phục vụ cho nghiên cứu khoa học mà còn có ý nghĩa trong công tác giáo dục truyền thống, bảo tồn và tôn vinh các cơ sở tôn giáo từng đóng góp cho sự nghiệp giải phóng dân tộc. Việc ghi nhận và phổ biến những câu chuyện như thế này giúp thế hệ sau hiểu rõ hơn về tính toàn diện của chiến tranh nhân dân, nơi mỗi con người, mỗi không gian, dù là tôn giáo hay dân sự, đều có thể trở thành một “mặt trận” trong cuộc đấu tranh giành độc lập.

Xét trên bình diện chiến lược, chùa Bốn Nguyên, dưới sự trụ trì và điều hành bí mật của Ni trưởng Diệu Thông đã đóng vai trò như một điểm nút then chốt trong mạng lưới F100. Từ đây, các tuyến giao liên, vận chuyển vật tư và luân chuyển lực lượng được tổ chức hiệu quả, bảo đảm an toàn tuyệt đối cho hoạt động nội đô.

Trên phương diện xã hội, hình ảnh một tu sĩ Phật giáo trực tiếp tham gia hoạt động cách mạng đã góp phần củng cố niềm tin và sự gắn kết giữa phong trào giải phóng dân tộc với cộng đồng Phật tử. Điều này không chỉ mở rộng cơ sở quần chúng của lực lượng cách mạng, mà còn tạo nên một lớp “lá chắn xã hội” vững chắc, che chở cho các hoạt động bí mật trong lòng đô thị.

Về di sản, những cơ sở tôn giáo từng được sử dụng làm căn cứ như chùa Bốn Nguyên cần được ghi nhận, bảo tồn và tích hợp vào công tác giáo dục lịch sử. Việc này không chỉ nhằm tôn vinh những đóng góp của các cá nhân và cộng đồng tôn giáo đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc, mà còn giúp thế hệ sau hiểu sâu sắc hơn về tính đa dạng và sáng tạo của chiến tranh nhân dân trong điều kiện đô thị.

6. Kết luận và kiến nghị

Trường hợp Ni trưởng Diệu Thông là một minh chứng sống động cho hiệu quả chiến thuật vượt trội của việc tận dụng vỏ bọc tôn giáo trong chiến tranh đô thị. Sự thành công của mô hình này được xây dựng trên ba yếu tố then chốt: uy tín xã hội của cá nhân tu sĩ, khả năng che giấu tinh vi nhờ không gian tôn giáo, và mạng lưới kết nối an toàn trải rộng từ nội đô đến ngoại thành. Trong bối cảnh Sài Gòn thời chiến, những yếu tố này đã giúp Ni trưởng Diệu Thông và đơn vị Biệt động F100 duy trì hoạt động bí mật, bảo toàn lực lượng, đồng thời bảo đảm luồng thông tin, hậu cần được vận hành thông suốt.

Kết quả nghiên cứu không chỉ làm rõ một trường hợp cụ thể trong lịch sử cách mạng Việt Nam, mà còn góp phần bổ sung vào lý thuyết về chiến tranh nhân dân trong môi trường đô thị, đặc biệt là khía cạnh tận dụng các thiết chế xã hội – tôn giáo như một thành tố chiến lược. Từ đây, có thể khẳng định rằng việc khai thác “vỏ bọc tôn giáo” không chỉ mang ý nghĩa tình huống mà còn có giá trị tham chiếu lâu dài cho các nghiên cứu về chiến tranh phi đối xứng và an ninh phi truyền thống.

Kiến nghị:

- 1) *Lưu trữ và số hóa tư liệu* liên quan đến các cơ sở tôn giáo từng tham gia cách mạng, bao gồm hồ sơ nhân chứng, hình ảnh, bản đồ hoạt động và hiện vật, nhằm bảo tồn nguồn sử liệu quý giá cho nghiên cứu lịch sử.
- 2) *Kết hợp nghiên cứu lịch sử với bảo tồn di tích*, biến những cơ sở tôn giáo có giá trị lịch sử thành điểm tham quan - học tập, phục vụ công tác giáo dục truyền thống cho thế hệ trẻ.
- 3) *Mở rộng nghiên cứu so sánh* sang các tôn giáo và khu vực khác, để xác định mức độ phổ biến và biến thể của mô hình “vỏ bọc tôn giáo” trong các phong trào kháng chiến ở Việt Nam và trên thế giới.

Tác giả: **TS Trần Thị Họa My**

Tham luận tại Hội thảo khoa học "Đạo Phật Với Cách Mạng Việt Nam" tổ chức ngày 25/08/2025, tại chùa Quán Sứ, Hà Nội

Chú thích:

1) Trường Đại học Hải Phòng

Tài liệu tham khảo:

1] Báo An Giang. (2023, 20 tháng 9). Ni trưởng Diệu Thông - nữ tu sĩ biệt động Sài Gòn. <https://baoangiang.com.vn>

2] Elliott, D. W. P. (2003). The Vietnamese War: Revolution and social change in the Mekong Delta, 1930-1975. Routledge.

3] Giác Ngộ Online. (2022, 15 tháng 5). Ni trưởng Diệu Thông - từ nữ tu sĩ yêu nước đến hình tượng nữ Biệt động Sài Gòn Huyền Trang. <https://giacngo.vn>

4] Hồ Sĩ Thành. (2007). Biệt động Sài Gòn - Những chuyện bây giờ mới kể. Nhà xuất bản Quân đội Nhân dân.

5] Hùng, N. Đ. (2006). Biệt động Sài Gòn. Nhà xuất bản Trẻ.

6] Mai Elliott. (2010). RAND in Southeast Asia: A history of the Vietnam War era. RAND Corporation.

7] Pike, D. (1966). Viet Cong: The organization and techniques of the National Liberation Front of South Vietnam. MIT Press.

8] Pike, D. (1970). The Viet-Cong strategy of terror. United States Government Printing Office.

9] Quân đội Nhân dân. (2022, 5 tháng 12). Ni trưởng Diệu Thông - người nữ tu sĩ Biệt động F100. <https://qdnd.vn>

10] Tạp chí Cộng sản. (2015). F100 - lực lượng biệt động đặc biệt Sài Gòn - Gia Định. <https://tapchicongsan.org.vn>

11] Vietnam News Agency. (2020). F100 and the perfect cover in urban operations. <https://vnanet.vn>